TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1359/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương T, sinh năm 1987.

Thường trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 218/7/45D đường N, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1983.

Thường trú: 41/3Q đường C, Phường 8, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 12/2F tổ 4, ấp H, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày

21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau ngày cưới hai bên chung sống tại 12/2F tổ 4, ấp M, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay từ ngày đầu kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2010, phát sinh nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do: Chồng cờ bạc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chồng không chăm lo cho con, từ nhỏ con không biết mặt cha, cha không biết mặt con. Hai bên không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 13/6/2010. Con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2013 đến nay. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn N cho đến khi trẻ N trưởng thành tròn 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương T có đơn xin vắng mặt.

* Bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn T, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Nguyễn T là bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ

Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Trương T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trương T và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212, quyển số 01/2008 ngày 21/12/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của bà T giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2010, phát sinh nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để tiến hành hòa giải cho hai bên nhưng ông T vắng mặt không lý do. Điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Mặt khác, bản thân bà T trình bày không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương T là phù hợp.

[4] Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 13/6/2010. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ N trưởng thành tròn 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 04/7/2022, trẻ Nguyễn N có nguyện vọng được ở với mẹ. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương T không yêu cầu ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm : Án phí ly hôn do bà Trương T chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương T và ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn N, sinh ngày 13/6/2010 cho bà Trương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trẻ N trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Trương T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039159 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND Phường 8, quận V; (Giấy chứng nhận kết hôn số 212, quyển số 01/2008 ngày 21/12/2009);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương